

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HỒNG BÀNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/KDTM-ST
Ngày 30-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Sinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Toàn

Bà Nguyễn Thị Phin.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số: 23/2017/TLST-KDTM, ngày 20 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐST-KDTM ngày 20 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q; địa chỉ trụ sở: Phố HV, phường LTT, quận HK, thành phố Hà Nội;

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q; địa chỉ: Phố CL, phường CL, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp: Ông Tạ Đăng L, Giám đốc Ngân hàng TMCP Q chi nhánh Hải Phòng, ông Nguyễn Văn O, ông Phạm DA và ông Bùi Thanh S, cùng địa chỉ: Phố LHP, quận NQ, thành phố Hải Phòng (theo Giấy ủy quyền số 7139/UQ-HS ngày 31-10-2018). Ông Phạm DA, có mặt. Ông Tạ Đăng L, ông Nguyễn Văn O và ông Bùi Thanh S đều vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần thép V; địa chỉ: Phường QT, quận HB, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đặng Việt B, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần thép V, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện, các bản tự khai, ý kiến tại các phiên họp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Phạm DA trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Q) và Công ty cổ phần Thép V (sau đây gọi tắt là Công ty V) ký kết Hợp đồng tín dụng số 39.11.256.670316.TD ngày 17-8-2011 với nội dung như sau: Ngân hàng Q cấp tín dụng 6.000.000 USD hoặc Việt Nam đồng tương đương cho Công ty V vay nhằm bổ sung vốn lưu động và mở thư tín dụng (LC) nhập khẩu hoặc mua trong nước phôi thép và thép phế liệu phục vụ sản xuất kinh doanh thép xây dựng. Thời hạn giải ngân kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31-7-2012. Ngày đáo hạn cuối cùng sau 05 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là lãi suất cố định hoặc thả nổi được áp dụng theo quy định của Ngân hàng Q trong từng thời kỳ và được ghi cụ thể tại Khế ước nhận nợ. Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và cố định trong suốt thời gian quá hạn. Công ty V phải thanh toán cho Ngân hàng Q tiền lãi phát sinh trong kỳ tính lãi vào ngày bắt đầu của kỳ tính tiếp theo. Đối với kỳ tính lãi cuối cùng của mỗi khoản vay, tiền lãi phát sinh sẽ được trả vào ngày trả nợ gốc cuối cùng của khoản vay đó theo kỳ hạn trả nợ.

Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng, Công ty V thế chấp toàn bộ hàng hóa luân chuyển (Phôi thép, thép thành phẩm...) tại kho của Công ty V theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 42.11.256.670316.DB là 6,622,2 tấn phôi thép, 9.511,647 tấn thép xây dựng thành phẩm tồn kho.

Ngân hàng Q giải ngân cho Công ty V tổng số tiền là: 112.331.000.000 đồng theo các Giấy nhận nợ như sau:

STT	Khế ước nhận nợ	Lãi suất áp dụng (/năm)	Ngày nhận nợ	Ngày đáo hạn	Số tiền nhận nợ (VNĐ)
1.	LD1201900390	20,5%/năm	19/01/22012	19/6/2012	20.500.00.000
2.	LD1202000524	20,5%/năm	20/01/2012	20/6/2012	22.596.000.000
3.	LD1204000017	20,5%/năm	09/02/2012	09/7/2012	7.000.000.000
4.	LD1203800209	20,5%/năm	07/02/2012	07/7/2012	6.000.000.000
5.	LD1204100341	20,5%/năm	10/02/2012	10/7/2012	7.000.000.000
6.	LD1204700512	20,5%/năm	16/12/2012	16/7/2012	4.255.000.000
7.	LD1204600444	20,5%/năm	15/02/2012	15/7/2012	5.400.000.000

8.	LD1207400301	19,5%/năm	14/03/2012	14/8/2012	4.970.000.000
9.	LD1216000441	15,8%/năm	08/6/2012	08/11/2012	2.150.000.000
10.	LD1216800066	15%/năm	16/06/2012	16/11/2012	4.000.000.000
11.	LD1218100751	15%/năm	29/6/2012	29/11/2012	8.000.000.000
12.	LD1218500157	15%/năm	03/7/2012	03/12/2012	6.960.000.000
13.	LD1218700569	15%/năm	05/7/2012	05/12/2012	7.400.000.000
14.	LD1221300495	15%/năm	31/7/2012	31/12/2012	6.100.000.000
Tổng cộng:					112.331.000.000

Công ty V thanh toán cho Ngân hàng Q 24.439.403.862 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 11.329.368 đồng, tiền lãi là 13.110.035.862 đồng.

Từ ngày 19-02-2013, Công ty V không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, vi phạm nghĩa vụ theo cam kết của hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ. Tính đến ngày 07-01-2018, Công ty V nợ tổng số tiền là 264.805.062.976 đồng, trong đó: Nợ gốc là 98.134.405.510 đồng, nợ lãi trong hạn quá hạn là 6.533.162.990 đồng, nợ quá hạn là 160.117.495.476 đồng.

Ngân hàng Q ủy quyền cho Ngân hàng TMCP K thu giữ, xử lý bán đấu giá toàn bộ tài sản bảo đảm vào tháng 10-2015, bán thành công vào tháng 5-2016 và bù trừ vào tiền nợ của Công ty V. Do vậy, Ngân hàng Q không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 42.11.256.670316.DB.

Ngày 21-11-2014, Ngân hàng Q bán toàn bộ khoản nợ của Công ty V cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q (sau đây viết tắt là Công ty Q) theo Hợp đồng mua, bán nợ số 6139/2014/MBN.Q2-Q. Công ty Q kế thừa quyền và nghĩa vụ chủ nợ của Ngân hàng Q bao gồm quyền, nghĩa vụ tố tụng trong việc khởi kiện Công ty V và trong quá trình thi hành án, nên Công ty Q khởi kiện vụ án và ủy quyền cho cán bộ của Ngân hàng Q tham gia tố tụng vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty Q bán lại nợ theo Hợp đồng mua bán nợ số 11049/2017/BN.VAMC2-MB và chuyển toàn bộ quyền, nghĩa vụ cho Ngân hàng Q tiếp tục giải quyết tranh chấp, thi hành án đối với Công ty V đối với Hợp đồng tín dụng hạn mức số 39.11.256.670316.TD ngày 17-8-2011 giữa Ngân hàng Q với Công ty V. Ngân hàng Q ủy quyền cho các cán bộ của ngân hàng tiếp tục tham gia tố tụng vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc Công ty V thanh toán cho Ngân hàng Q 293.074.655.693 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 98.134.405.510 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày 30-11-2018 là 194.940.251.183 đồng.

2. Tại Bản tự khai ngày 21-5-2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Đặng Việt B trình bày: Công ty V thừa nhận nội dung và quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số 39.11.256.670316.TD ngày 17-8-2011 như nguyên đơn trình bày và cung cấp tài liệu trong hồ sơ vụ án. Đến hết ngày 31-5-2018, Công ty V chưa thanh toán nợ gốc là 98.134.404.510 đồng. Lý do nợ quá hạn: Từ tháng 01-2013, do tình hình thị trường thép gặp nhiều khó khăn, hàng tồn kho tăng cao trong khi doanh thu sụt giảm nghiêm trọng, nên Công ty V bắt đầu phát sinh nợ quá hạn. Mặc dù đã tìm rất nhiều biện pháp đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh để tạo dòng tiền trả nợ và giải quyết tình trạng nợ quá hạn, nhưng công ty vẫn không trả nợ được. Kể từ đầu năm 2013, Công ty V phát sinh nợ quá hạn, không trả được cả gốc và lãi phát sinh đến thời điểm hiện tại. Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ, Công ty cổ phần thép V và Ngân hàng TMCP Q đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số: 42.11.256.670316.DB ngày 17/8/2011, thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là phôi thép hoặc thép thành phẩm của công ty. Ngày 12-5-2016, các tổ chức tín dụng gồm: Ngân hàng TMCP N, Ngân hàng TMCP K, Ngân hàng TMCP Q, Ngân hàng TMCP A, Ngân hàng TMCP X thống nhất bán đấu giá thành công đối với toàn bộ thép xây dựng thành phẩm tồn kho của Công ty V để thu nợ và không khiếu nại, phát sinh tranh chấp gì.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng, đúng pháp luật về thụ lý vụ án, xác định người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng nghĩa vụ của đương sự, nhưng bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo các quy định tại các điều 70, 71, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trên cơ sở thu thập chứng cứ liên quan vụ án, thay đổi người tham gia tố tụng do có kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn, ý kiến của các đương sự nguyện vọng được hòa giải, thỏa thuận, nhưng không thành, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử, sau đó hoãn phiên tòa đúng thời hạn theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Trên cơ sở kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, đề nghị Tòa án áp dụng các điều 357, 463, 466, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 306 của Luật Thương mại, các điều 30, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Ngày 21-11-2014, Ngân hàng Q đã bán toàn bộ khoản nợ của Công ty

V cho Công ty Q theo Hợp đồng mua, bán nợ số 6139/ 2014/MBN.Q2-Q, nên Công ty Q khởi kiện Công ty Thép V về tranh chấp hợp đồng tín dụng phù hợp quy định của pháp luật. Sau đó, Công ty Q đã bán lại nợ theo Hợp đồng mua bán nợ số 11049/2017/BN.Q2-Q và chuyển quyền và nghĩa vụ cho Ngân hàng Q đối với Hợp đồng tín dụng hạn mức số 39.11.256.670316.TD ngày 17-8-2011. Căn cứ Điều 7 của Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Ngân hàng Q kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Công ty Q trong vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số: 23/2017/TLST-KDTM, ngày 20 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn Công ty V. Khi phát sinh việc kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của đương sự, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, mở phiên tòa, nhưng vẫn phải thực hiện các hoạt động tố tụng và mở phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải bảo đảm đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Do vậy, Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng thụ lý, giải quyết vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm về tranh chấp hợp đồng tín dụng bảo đảm đúng quy định theo khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn Công ty V được thông báo, cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ và các phiên hòa giải vào các ngày 08-11-2018, 05-9-2018, vắng mặt tại phiên tòa các ngày 30-10-2018, 20-11-2018, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn phù hợp quy định theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nhận định các tình tiết của vụ án:

[3] Bị đơn thừa nhận và không có ý kiến phản đối ý kiến trình bày, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp về nội dung, quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng hạn mức số 39.11.256.670316.TD ngày 17-8-2011, Khế ước nhận nợ số LD1201900390,LD1202000524,LD1204000017,LD1203800209,LD1204100341,LD1204700512,LD1204600444,LD1207400301,LD1216000441,D1216800066,LD1218100751,LD1218500157,LD1218700569,LD1221300495; việc thanh toán một phần nghĩa vụ trả nợ do xử lý tài sản bảo đảm của Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 42.11.256.670316.DB, về tính toán tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn. Do vậy, căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty V phải thanh toán tiền nợ 293.074.655.693 đồng cho Ngân hàng Q, trong đó: Tiền nợ gốc là 98.134.405.510 đồng, nợ lãi tính đến ngày 30-11-2018 là 194.940.251.183 đồng.

[4] Về án phí: Công ty V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 74, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 91, 95 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16 tháng 5 năm 2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty Cổ phần thép V phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q tổng số tiền là 293.074.655.000 (Hai trăm chín mươi ba tỉ, không trăm bảy mươi bốn triệu, sáu trăm lăm mươi năm nghìn) đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 98.134.405.000 (Chín mươi tám tỉ, một trăm ba mươi bốn triệu, bốn trăm linh năm nghìn) đồng; tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 30 tháng 11 năm 2018 là 194.940.250.000 (Một trăm chín mươi bốn tỉ, chín trăm bốn mươi nghìn, hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo kỳ hạn trả nợ trong hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay theo lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền chưa thanh toán, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 39.11.256.670316.TD ngày 17-8-2011 và Khế ước nhận nợ số LD1201900390,LD1202000524,LD1204000017,LD1203800209,LD1204100341,LD1204700512,LD1204600444,LD1207400301,LD1216000441,D1216800066,LD1218100751,LD1218500157,LD1218700569,LD1221300495.

2. Về án phí: Công ty Cổ phần thép V phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm là 401.075.000 (Bốn trăm linh một triệu, không trăm bảy mươi năm nghìn) đồng.

Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q 182.121.271 (Một trăm tám mươi hai triệu, một trăm hai mươi một nghìn, hai trăm bảy mươi một) đồng theo Biên lai số 000... ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Sinh